



**PHÂN THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN,
CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

(Kèm theo Báo cáo số 521/BC-CĐSP ngày 30/6/2025
của Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu)

1. Số lượng cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm

TT	Chỉ số	Năm 2025	Năm 2024
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	15	16
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	31	31
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	46:65 (70,8%)	47:66 (71,2%)

2. Số lượng giảng viên toàn thời gian của Trường và từng lĩnh vực đào tạo; danh sách giảng viên cơ hữu theo từng đơn vị chuyên môn

a) Số lượng giảng viên toàn thời gian của Trường và từng lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
I	Giảng viên toàn thời gian	65	4	49	12	0	0
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (Giáo dục Mầm non)	35	3	28	4	0	0
2	Lĩnh vực Nhân văn (Tiếng Anh, Tiếng Nhật)	13	0	9	5	0	0
3	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (Kế toán, Quản trị văn phòng, Kinh doanh xuất nhập khẩu)	9	0	8	1	0	0
4	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin)	8	1	5	2	0	0

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
II	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	65	4	49	12	0	0
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (Giáo dục Mầm non)	35	3	28	4	0	0
2	Lĩnh vực Nhân văn (Tiếng Anh, Tiếng Nhật)	13	0	9	5	0	0
3	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (Kế toán, Quản trị văn phòng, Kinh doanh xuất nhập khẩu)	9	0	8	1	0	0
4	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin)	8	1	5	2	0	0

b) Danh sách giảng viên cơ hữu theo từng đơn vị chuyên môn

TT	Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
1.	Nguyễn Xuân Dũng	ThS	GVC	Quản lý Giáo dục	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
2.	Hồ Viết Chiến	TS	GVC	Kinh tế Chính trị	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
3.	Nguyễn Thị Mỹ Dung	TS	GV	Nuôi trồng thủy sản	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
4.	Nguyễn Huy Phương	TS	GV	Lịch sử Việt Nam	Khoa học GD và ĐT giáo viên	

TT	Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
5.	Bùi Quang Trường	TS	GVC	Văn học Việt Nam	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
6.	Nguyễn Thị Mai Hoa	ThS	GV	LL&PPDH Chính trị	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
7.	Võ Thị Hoài Hương	ThS	GV	GDH (GD mầm non)	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
8.	Hoàng Thị Minh	ThS	GV	Chính trị học	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
9.	Nguyễn Thị Minh Ngọc	ThS	GV	Hóa học	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
10.	Nguyễn Thị Huyền Nhi	ThS	GV	Giáo dục học	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
11.	Lê Hoài Thu	ThS	GV	GDH (GD mầm non)	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
12.	Ngô Thị Vân Anh	ThS	GV	Lý luận và PPDH âm nhạc	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
13.	Trần Thị Thuý Hà	ThS	GV	GDH (GD mầm non)	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
14.	Đào Thị Hiền	ThS	GV	Giáo dục học (LL&LS giáo dục)	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
15.	Trần Thu Hiền	ThS	GVC	Tâm lý học	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
16.	Triệu Thị Thu Hiền	ThS	GVC	GD Tiểu học	Khoa học GD và ĐT giáo viên	

TIN
TRU
ĐĂNG
RIA-V
n

TT	Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
17.	Phạm Văn Hiếu	ThS	GVC	Tâm lý học	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
18.	Phạm Phi Hùng	ThS	GV	Giáo dục thể chất	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
19.	Nguyễn Thị Huyền	ThS	GV	Văn học nước ngoài	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
20.	Trần Thị Bích Huyền	ThS	GV	GDH (GD mầm non)	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
21.	Nguyễn Văn Kiên	ThS	GV	Chính trị học	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
22.	Nguyễn Thị Hồng Lam	ThS	GV	Tâm lý học	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
23.	Nguyễn Thị Lan	ThS	GV	Kỹ thuật Hóa học	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
24.	Nguyễn Đăng Lực	ThS	GV	Quản lý thể dục thể thao	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
25.	Lê Thị Bích Mai	ThS	GV	LL&PPDH Bộ môn Sinh học	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
26.	Trần Thị Mai Nhi	ThS	GV	GDH (GD mầm non)	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
27.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	ThS	GV	Triết học	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
28.	Huỳnh Thị Thùy Trang	ThS	GV	Tâm lý học	Khoa học GD và ĐT giáo viên	

TT	Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
29.	Nguyễn Văn Tráng	ThS	GVC	LL&PPDH Chính trị	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
30.	Lê Thị Trung	ThS	GVC	Giáo dục học	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
31.	Trần Văn Tuyên	ThS	GV	Giáo dục thể chất	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
32.	Lê Kim Lộc	ĐH	GV	Lý luận âm nhạc	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
33.	Nguyễn Diễm Nhung	ĐH	GV	KT nữ công	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
34.	Lương Hồ Vũ	ĐH	GV	Thể dục thể thao	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
35.	Trần Thị Hải Yến	ThS	GV	GDH (GD mầm non)	Khoa học GD và ĐT giáo viên	
36.	Trần Anh Đức	TS	GVC	Lịch sử thế giới	Nhân văn	
37.	Nguyễn Việt Hùng	TS	GVC	Văn tự ngôn ngữ Hán	Nhân văn	
38.	Nguyễn Thị Kim Chi	TS	GV	GDH- Tiếng Anh	Nhân văn	
39.	Nguyễn Hữu Thế	TS	GVC	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	Nhân văn	
40.	Khuông Thị Bích Diệp	TS	GV	Tiếng Anh	Nhân văn	
41.	Biền Thị Hoàng Anh	ThS	GV	Địa lý học	Nhân văn	

B.
 G.
 PH.
 TÀI.
 AU.

TT	Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
42.	Nguyễn Thị Thanh Diệu	ThS	GV	PPGD Tiếng Anh	Nhân văn	
43.	Trần Thanh Hoàng	ThS	GVC	Quản lý giáo dục	Nhân văn	
44.	Phùng Thị Sinh	ThS	GV	LL&PPDH tiếng Anh	Nhân văn	
45.	Trần Thị Thanh Tú	ThS	GVC	LL&PPDH tiếng Anh	Nhân văn	
46.	Lê Thị Xuân Vũ	ThS	GV	LL&PPDH tiếng Anh	Nhân văn	
47.	Võ Thị Xuân Trâm	ThS	GV	Châu Á học	Nhân văn	
48.	Nguyễn Thị Nhung	ThS	GV	Đông Phương học	Nhân văn	
49.	Phạm Ngọc Sơn	TS	GV	QTKD	Kinh doanh và quản lý	
50.	Hoàng Thị Như Trang	ThS	GV	Quản lý kinh tế	Kinh doanh và quản lý	
51.	Nguyễn Thị Duyên	ThS	GV	Tài chính Tín dụng	Kinh doanh và quản lý	
52.	Nguyễn Thị Thúy Duyên	ThS	GV	Tài chính - Ngân hàng	Kinh doanh và quản lý	
53.	Nguyễn Thanh Hà	ThS	GV	Kế toán	Kinh doanh và quản lý	
54.	Bế Thị Hồng	ThS	GV	Hành chính học	Kinh doanh và quản lý	
55.	Trịnh Thị Hồng Ngọc	ThS	GV	Tài chính ngân hàng	Kinh doanh và quản lý	
56.	Phạm Ngọc Nguyên	ThS	GV	Kế toán	Kinh doanh và quản lý	
57.	Lâm Thị Khuyến	ThS	GV	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh và quản lý	
58.	Phan Thế Hải	TS	GVC	Đại số và Lý thuyết số	Máy tính và CNTT	

TT	Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
59.	Nguyễn Công Long	TS	GVC	Công nghệ thông tin	Máy tính và CNTT	
60.	Trần Minh Hiếu	ĐH	GV	Vật lý	Máy tính và CNTT	
61.	Tiền Tú Anh	ThS	GVC	Khoa học máy tính	Máy tính và CNTT	
62.	Phạm Thị Thúy Giang	ThS	GVC	Khoa học máy tính	Máy tính và CNTT	
63.	Nguyễn Văn Hào	ThS	GV	Công nghệ thông tin	Máy tính và CNTT	
64.	Nguyễn Khắc Thiện	ThS	GV	Khoa học máy tính	Máy tính và CNTT	
65.	Phạm Thế Nhân	ThS	GV	Giáo dục học	Máy tính và CNTT	

3. Số lượng giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm theo quy định

TT	Đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng	Số lượt (người)
1	Cán bộ quản lý	64
2	Giảng viên	73
3	Chuyên viên, Nhân viên	35

4. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu: 842/65 tương ứng 13:1



